

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trung bình học kỳ	Điểm rèn luyện	Loại HB KKHT	Mức HB/tháng (đ)	Số tiền HB	Ghi chú
1	674054	Phạm Thị Thu	01/07/2004	K67KHDTA	4.00	96	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
2	673974	Lê Thị Nhung	24/08/2004	K67KTA	4.00	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
3	673955	Đỗ Yến Ngọc	11/11/2004	K67KTA	3.90	93	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
4	673979	Võ Hồng Phúc	23/11/2004	K67KTA	3.88	92	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
5	673812	Trần Việt Hà	04/04/2004	K67KTB	3.87	97	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
6	677709	Vũ Thị Yên Nhi	16/12/2004	K67KTB	3.84	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
7	677678	Mai Thu Hương	27/05/2004	K67KTB	3.83	88	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
8	673984	Lê Thị Phương	16/11/2004	K67KTA	3.79	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
9	677725	Phạm Thị Ngọc Lan	18/12/2004	K67KTB	3.79	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
10	677675	Nguyễn Thị Thùy Tiên	18/11/2004	K67KTB	3.78	70	Khá	1,670,000	8,350,000	
11	677672	Nguyễn Thị Mai Hương	24/02/2004	K67KTB	3.76	88	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
12	677717	Đỗ Thị Phương Thanh	17/06/2004	K67KTB	3.76	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
13	677732	Nguyễn Văn Phú	19/01/2003	K67KTDTA	4.00	97	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
14	674079	Lê Thu Trang	20/10/2004	K67KTDTA	4.00	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
15	673759	Đỗ Tiến Đạt	03/11/2004	K67KTDTA	3.91	96	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
16	674156	Nguyễn Hoàng Ngân	27/12/2004	K67KTNNA	3.94	95	Xuất sắc	2,436,000	12,180,000	
17	674145	Đỗ Văn Khánh	06/01/2004	K67KTNNA	3.76	100	Xuất sắc	2,436,000	12,180,000	
18	674031	Đàm Văn Thắng	15/03/2004	K67KTPTA	3.89	93	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
19	673897	Phạm Hồng Khánh Linh	17/12/2003	K67KTPTA	3.63	80	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
20	673964	Nguyễn Minh Nguyệt	03/07/2004	K67KTTSA	3.95	91	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
21	673723	Nguyễn Ngọc Anh	13/03/2004	K67KTTSA	3.90	91	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
22	673715	Kiều Ngọc Anh	19/01/2004	K67KTTSA	3.85	93	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
23	677858	Tạ Thị Ngọc Hà	17/06/2004	K67KTTTCB	4.00	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
24	677799	Đào Thuương Huyền	27/04/2004	K67KTTTCB	3.94	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
25	677886	Mai Thị Trà My	21/03/2004	K67KTTTCB	3.87	91	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
26	677788	Lê Thị Huyền Linh	04/10/2004	K67KTTTCB	3.86	87	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
27	677876	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	31/12/2004	K67KTTTCB	3.85	85	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
28	674099	Nguyễn Bá Mạnh Tuấn	07/11/1999	K67KTTCA	3.85	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
29	673895	Ngô Ngọc Linh	01/03/2004	K67KTTCA	3.84	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
30	677813	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	19/04/2004	K67KTTTCB	3.80	97	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
31	677857	Trần Anh Quân	24/10/2004	K67KTTTCB	3.80	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
32	674064	Lê Thị Thuý	12/12/2004	K67KTTTCB	3.79	92	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
33	673960	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	24/09/2004	K67KTTCA	3.76	80	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
34	674000	Bùi Anh Quân	29/02/2004	K67KTTTCB	3.75	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
35	677837	Nguyễn Thị Bích Loan	14/04/2004	K67KTTTCB	3.74	87	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
36	677826	Nguyễn Thị Thu Phương	16/10/2004	K67KTTTCB	3.74	72	Khá	1,670,000	8,350,000	
37	677862	Phan Hà Thu Thảo	05/02/2004	K67KTTTCB	3.74	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
38	677850	Nguyễn Ngọc Nhi	22/02/2004	K67KTTTCB	3.71	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
39	677838	Phạm Thu Hà	24/12/2004	K67KTTTCB	3.70	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
40	673951	Ngô Thị Kim Ngân	23/07/2004	K67QLKTA	4.00	92	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
41	673893	Bùi Thị Bằng Lăng	12/09/2003	K67QLKTA	4.00	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
42	673757	Nguyễn Tiến Đạt	09/08/2003	K67QLKTA	4.00	97	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
43	677979	Đinh Thị Khánh Linh	19/08/2004	K67QLKTA	3.94	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
44	673916	Nguyễn Ngọc Loan	19/08/2004	K67QLKTA	3.94	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
45	673813	Đoàn Thu Hà	23/07/2004	K67QLKTA	3.88	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
46	675774	Nguyễn Thị Ngọc	12/09/2002	K67QLNNLA	4.00	93	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
47	675587	Nguyễn Lý Khánh Linh	13/01/2004	K67QLNNLA	3.96	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
48	675590	Võ Khánh Linh	13/03/2004	K67QLNNLA	3.85	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
49	675897	Nguyễn Minh Quân	26/12/2004	K67QLNNLA	3.85	90	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
50	680741	Vũ Minh Hòa	29/01/2005	K68KTA	3.75	92	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
51	680367	Phan Tiến Thành	05/03/2004	K68KTA	3.60	94	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
52	683470	Đỗ Minh Thùy	14/09/2005	K68KTA	3.39	93	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
53	686943	Trần Duy Phong	03/05/2005	K68KTA	3.00	85	Khá	1,670,000	8,350,000	
54	686819	Đoàn Thị Thùy Linh	27/04/2005	K68KTA	2.98	85	Khá	1,670,000	8,350,000	
55	686932	Mai Thị Hồng Nhung	26/07/2005	K68KTA	2.92	91	Khá	1,670,000	8,350,000	
56	686562	Chu Thị Ngọc Anh	23/09/2005	K68KTA	2.88	80	Khá	1,670,000	8,350,000	
57	682419	Nguyễn Thị Trang	03/01/2004	K68KTDTA	3.75	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
58	683875	Đặng Trần Trung	26/02/2005	K68KTDTA	3.68	89	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
59	680960	Nguyễn Xuân Diệp	12/02/2004	K68KTDTA	3.63	89	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
60	686976	Hà Như Quỳnh	04/12/2005	K68KTDTA	3.59	91	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
61	683707	Nguyễn Việt Khang	26/05/2005	K68KTDTA	3.34	85	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
62	684517	Nguyễn Thị Bích Thương		K68KTNNA	3.16	80	Khá	1,740,000	8,700,000	Bổ sung thay Nguyễn Trường Xuân
63	681890	Đinh Bá Trung	22/08/2005	K68KTNNA	3.40	86	Giỏi	2,088,000	10,440,000	
64	687051	Vũ Minh Thư	01/04/2004	K68KTTSA	3.96	95	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
65	686821	Lưu Khánh Linh	03/02/2005	K68KTTSA	3.90	90	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
66	687017	Trịnh Thu Thảo	08/06/2005	K68KTTSA	3.85	84	Giỏi	2,232,000	11,160,000	
67	686616	Hồ Minh Anh	01/06/2005	K68KTTSA	3.80	90	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
68	686725	Hoàng Thị Hậu	02/05/2005	K68KTTSA	3.80	93	Xuất sắc	2,604,000	13,020,000	
69	686656	Nguyễn Thị Phương Dung	01/08/2005	K68KTTSA	3.73	84	Giỏi	2,232,000	11,160,000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trung bình học kỳ	Điểm rèn luyện	Loại HB KKHT	Mức HB/tháng (đ)	Số tiền HB	Ghi chú
70	686559	Bùi Lan Anh	25/12/2005	K68KTSA	3.58	69	Khá	1,860,000	9,300,000	
71	682306	Vũ Hương Giang	25/12/2005	K68KTSA	3.53	77	Khá	1,860,000	9,300,000	
72	682195	Trương Thị Hồng	07/03/2005	K68KTTCB	3.57	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
73	686718	Phạm Thị Hạnh	14/05/2005	K68KTTCB	3.50	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
74	687135	Nguyễn Thị Hương Xuân	03/11/2005	K68KTTC	3.47	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
75	680714	Nguyễn Thị Thu Anh	09/07/2003	K68KTTCB	3.45	95	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
76	680778	Lê Hoài Thanh	08/01/2005	K68KTTCB	3.29	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
77	683319	Hoàng Hải Yến	03/05/2005	K68KTTC	3.29	92	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
78	686820	Hồ Thị Khánh Linh	02/08/2005	K68KTTCB	3.27	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
79	688649	Nguyễn Thị Hồng Ngát	21/09/2005	K68KTTC	3.26	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
80	682321	Nguyễn Thị Liên	05/09/2005	K68KTTCB	3.10	87	Khá	1,670,000	8,350,000	
81	682787	Phùng Thị Thanh Tân	30/07/2005	K68KTTCB	3.09	93	Khá	1,670,000	8,350,000	
82	681024	Nguyễn Thị Kim Dung	13/02/2005	K68KTTCB	3.08	84	Khá	1,670,000	8,350,000	
83	686611	Trần Nguyệt Anh	07/05/2005	K68KTTC	3.03	78	Khá	1,670,000	8,350,000	
84	686750	Lương Việt Hoàng	01/07/2005	K68KTTCB	3.03	71	Khá	1,670,000	8,350,000	
85	687004	Đỗ Phương Thảo	09/12/2005	K68KTTC	2.98	87	Khá	1,670,000	8,350,000	
86	686802	Dương Văn Hoan	06/12/2005	K68KTTCB	2.98	81	Khá	1,670,000	8,350,000	
87	686977	Hoàng Chúc Quỳnh	02/02/2005	K68KTTC	2.95	72	Khá	1,670,000	8,350,000	
88	686959	Ta Bích Phương	17/05/2005	K68KTTCB	2.94	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
89	686847	Vũ Thùy Linh	02/08/2005	K68KTTCB	2.93	83	Khá	1,670,000	8,350,000	
90	682418	Trần Thị Nhung	10/09/2000	K68KTTCB	2.91	93	Khá	1,670,000	8,350,000	
91	680989	Dương Thị Việt Phương	28/11/2003	K68KTTCB	2.90	84	Khá	1,670,000	8,350,000	
92	686571	Hoàng Quỳnh Anh	16/08/2005	K68QLKTA	3.24	72	Khá	1,670,000	8,350,000	
93	683079	Nguyễn Thị Hồng	01/02/2005	K68QLKTB	2.86	96	Khá	1,670,000	8,350,000	
94	687060	Vũ Minh Tiến	29/10/2005	K68QLKTA	2.78	84	Khá	1,670,000	8,350,000	
95	686757	Phạm Thị Huân	25/07/2005	K68QLKTB	2.70	80	Khá	1,670,000	8,350,000	
96	681066	Không Thị Phương Thảo	02/12/2005	K68QLKTA	2.70	87	Khá	1,670,000	8,350,000	
97	686837	Nguyễn Thùy Linh	12/11/2005	K68QLKTB	2.69	88	Khá	1,670,000	8,350,000	
98	681472	Nguyễn Hoàng Minh	25/04/2005	K68QLKTA	2.58	88	Khá	1,670,000	8,350,000	
99	680285	Nguyễn Võ Thục Quyên	17/07/2005	K68QLKTA	2.52	66	Khá	1,670,000	8,350,000	
100	686127	Phạm Thùy Trang	02/07/2005	K68QLNNLA	3.56	94	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
101	681495	Vũ Thị Dung	20/03/2005	K68QLNNLA	3.48	83	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
102	683230	Nguyễn Vũ Hoàng Lan	03/07/2004	K68QLNNLA	3.42	94	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
103	682507	Vũ Hương Thảo	16/03/2005	K68QLNNLA	3.31	85	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
104	682512	Nguyễn Thùy Vân	27/09/2005	K68QLNNLA	3.26	74	Khá	1,670,000	8,350,000	ĐRL Khá
105	688573	Hà Thị Dung	20/11/2004	K68QLNNLA	3.25	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
106	683334	Chu Ánh Ngọc	20/05/2005	K68QLNNLA	3.22	83	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
107	685118	Phí An Ngọc Anh	22/02/2005	K68QLNNLA	3.21	72	Khá	1,670,000	8,350,000	ĐRL Khá
108	683081	Khương Thị Hải Yến	22/02/2005	K68QLNNLA	3.08	82	Khá	1,670,000	8,350,000	
109	696881	Nguyễn Thị Hồng	07/01/2006	K69KTA	3.83	83	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
110	697390	Phạm Thanh Thủy	30/08/2006	K69KTA	3.74	83	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
111	697336	Nguyễn Hoàng Long	01/04/1998	K69KTA	3.60	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
112	696979	Nguyễn Thị Mai	04/07/2006	K69KTA	3.38	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
113	696971	Ngô Khánh Ly	08/03/2006	K69KTA	3.31	80	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
114	697160	Vũ Minh Tiến	01/12/2006	K69KTA	3.29	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
115	697226	Nguyễn Hoàng Vũ	04/07/2006	K69KTA	3.29	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
116	699754	Hoàng Dương Diệu Anh	01/10/2006	K69KTA	3.22	90	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
117	697371	Vương Đức Phú	17/06/2006	K69KTDTA	3.81	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
118	697117	Lê Thị Thu Thảo	23/06/2006	K69KTDTA	3.52	74	Khá	1,670,000	8,350,000	
119	697141	Trần Thị Thu	28/05/2006	K69KTDTA	3.33	80	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
120	697119	Ngô Phương Thảo	19/09/2006	K69KTDTA	3.33	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
121	697393	Đặng Anh Thư	07/09/2006	K69KTDTA	3.31	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
122	696729	Lê Thị Kim Ánh	04/09/2006	K69KTDTA	3.31	83	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
123	691268	Vũ Đức Nguyên	02/12/2004	K69KTNNA	3.36	86	Giỏi	2,088,000	10,440,000	
124	691169	Nguyễn Trọng Minh	23/09/2006	K69KTNNA	3.26	77	Khá	1,740,000	8,700,000	
125	691278	Trần Đại Sơn	11/01/2006	K69KTNNA	3.26	86	Giỏi	2,088,000	10,440,000	
126	696952	Trịnh Huyền Linh	13/05/2006	K69KTSA	3.17	80	Khá	1,860,000	9,300,000	
127	696955	Đặng Đức Long	09/05/2006	K69KTSA	3.12	75	Khá	1,860,000	9,300,000	
128	696967	Thiều Hữu Sinh Lực	21/09/2006	K69KTSA	3.11	75	Khá	1,860,000	9,300,000	
129	696883	Vũ Thị Bách Hợp	08/07/2006	K69KTSA	3.10	85	Khá	1,860,000	9,300,000	
130	696948	Phùng Nguyễn Khánh Linh	16/11/2006	K69KTSA	3.02	80	Khá	1,860,000	9,300,000	
131	699712	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	02/09/2005	K69KTTCB	3.74	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
132	697199	Nguyễn Dương Tuấn	28/03/2006	K69KTTCB	3.67	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
133	699746	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/01/2006	K69KTTCB	3.60	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
134	697037	Ta Thị Hồng Nhung	19/07/2005	K69KTTCB	3.57	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
135	696998	Nguyễn Hằng Nga	11/06/2006	K69KTTCB	3.55	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
136	697274	Pờ Thị Duyên	06/03/2005	K69KTTCB	3.55	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
137	699734	Lê Thùy Dung	23/06/2006	K69KTTCB	3.55	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
138	696727	Lê Hồng Ánh	13/09/2006	K69KTTCB	3.50	90	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
139	696886	Phạm Thanh Huệ	11/04/2006	K69KTTCB	3.40	81	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
140	697237	Hoàng Hải Yến	13/10/2006	K69KTTCB	3.38	72	Khá	1,670,000	8,350,000	
141	697349	Nguyễn Thị Hồng Minh	18/04/2006	K69KTTCB	3.36	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
142	696917	Trần Quang Khải	31/03/2006	K69KTTCB	3.33	80	Giỏi	2,004,000	10,020,000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trung bình học kỳ	Điểm rèn luyện	Loại HB KKHT	Mức HB/tháng (đ)	Số tiền HB	Ghi chú
143	696806	Vương Khánh Tùng Dương	19/06/2006	K69KTTCB	3.31	67	Khá	1,670,000	8,350,000	
144	697122	Nguyễn Thanh Thảo	12/02/2006	K69KTTCA	3.29	75	Khá	1,670,000	8,350,000	
145	697044	Nguyễn Thị Oanh	15/05/2006	K69KTTCA	3.26	97	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
146	697381	Vũ Phương Thanh	18/06/2006	K69KTTCA	3.26	91	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
147	696832	Tạ Minh Đức	29/04/2006	K69KTTCA	3.26	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
148	697006	Bùi Thị Ngọc	17/09/2006	K69KTTCA	3.26	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
149	696756	Nguyễn Tùng Chi	28/09/2006	K69KTTCB	3.26	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
150	697345	Nguyễn Ngọc Phương Mai	26/07/2004	K69QLKTA	3.58	88	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
151	696939	Nguyễn Thị Diệu Linh	22/08/2006	K69QLKTB	3.57	90	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
152	696808	Nguyễn Minh Đạt	19/10/2006	K69QLKTA	3.50	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
153	696879	Hoàng Mạnh Hồng	06/06/2006	K69QLKTA	3.50	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
154	696858	Phan Anh Hậu	28/12/2006	K69QLKTA	3.48	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
155	697236	Cao Hải Yến	27/08/2006	K69QLKTA	3.48	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
156	696942	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/07/2006	K69QLKTB	3.45	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
157	696693	Nguyễn Mai Anh	25/08/2006	K69QLKTA	3.40	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
158	696989	Trần Quang Minh	19/02/2006	K69QLKTB	3.38	88	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
159	697252	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	31/05/2006	K69QLKTB	3.35	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
160	696705	Nhữ Đoàn Quang Anh	08/07/2006	K69QLKTB	3.33	77	Khá	1,670,000	8,350,000	
161	699947	Đỗ Ngọc Liên	08/04/2006	K69QLKTB	3.32	95	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
162	696851	Nguyễn Thị Hằng	11/06/2006	K69QLKTA	3.26	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
163	697168	Lê Huyền Trang	13/11/2006	K69QLKTA	3.26	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
164	696678	Đỗ Phan Quang Anh	21/05/2006	K69QLKTA	3.21	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
165	699938	Lò Ngọc Huyền	10/10/2006	K69QLKTB	3.21	86	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
166	697386	Tăng Huy Thăng	25/09/2006	K69QLKTB	3.21	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
167	695426	Hà Thị Cẩm Ly	03/02/2006	K69QLNNLA	3.83	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
168	695150	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/08/2006	K69QLNNLA	3.81	95	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
169	694216	Đào Thu Nga	07/05/2006	K69QLNNLB	3.69	89	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
170	699446	Trần Thị Thanh Vân	12/05/2006	K69QLNNLA	3.67	84	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
171	693489	Lê Thị Diễm	11/08/2006	K69QLNNLA	3.64	92	Xuất sắc	2,338,000	11,690,000	
172	693986	Đàm Thị Hồng Linh	02/09/2006	K69QLNNLA	3.57	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
173	694880	Ngô Văn Anh	05/01/2006	K69QLNNLB	3.52	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
174	699839	Phan Thị Lương	10/05/2006	K69QLNNLA	3.52	93	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
175	694808	Khúc Xuân Vinh	19/04/2006	K69QLNNLA	3.52	95	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
176	695861	Vương Thị Huyền Trang	07/09/2006	K69QLNNLB	3.48	87	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
177	695821	Hoàng Thu Trang	29/03/2006	K69QLNNLB	3.45	91	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
178	695010	Nguyễn Thùy Dung	10/10/2006	K69QLNNLA	3.43	95	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
179	693824	Bùi Thị Thanh Huyền	19/11/2006	K69QLNNLA	3.43	95	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
180	695858	Trịnh Thùy Trang	05/11/2006	K69QLNNLB	3.42	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
181	695725	Nguyễn Phương Thảo	18/04/2006	K69QLNNLB	3.38	82	Giỏi	2,004,000	10,020,000	
182	691265	Vũ Hữu Tuấn Minh	28/10/2006	K69KTNNE	2.93	94	Khá	3,330,000	16,650,000	
183	696801	Nguyễn Đại Dương	12/05/2006	K69KTTCE	4.00	95	Khá	3,330,000	16,650,000	
184	686568	Hồ Việt Tuấn Anh	03/04/2005	K68KTTCE	2.86	95	Khá	3,330,000	16,650,000	
185	677895	Nguyễn Minh Chính		K67KTTCE	3.62	93	Khá	3,330,000	16,650,000	Bổ sung thay Nguyễn Phương Thảo
186	6660489	Bùi Thị Thu Hường	03/12/2003	K66KTTCE	3.60	93	Xuất sắc	4,662,000	23,310,000	
Danh sách gồm 186 sinh viên									1,892,980,000	
682115	Nguyễn Trường Xuân	15/03/2005	K68KTNNA	3.94	100		Nhận HB Aeon	20,000,000		
674045	Nguyễn Phương Thảo	31/08/2004	K67KTTCE	3.81	93		Nhận HB Aeon	20,000,000		